TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;

2. Ông Phạm Minh Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 823/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Phú C, sinh năm 1970; thường trú: Số 251/6, tổ 6/1, khu phố A, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

2. Bị đơn: Chị Phan Thanh T, sinh năm 1973; thường trú: Số 251/6, tổ 6/1, khu phố A, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Anh C, chị T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Phú C trình bày:

Anh Phạm Phú C và chị Phan Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới, đến năm 1999 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã D), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80KH, quyển số 01/TP-HT99B, cấp ngày 19/7/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tỉnh Tây Ninh, đến năm 1994 thì anh C và chị T về sinh sống tại xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã D), tỉnh Bình Dương cho đến nay. Anh C làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng

khoảng 6.000.000 đồng, chị T làm công nhân, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Quá trình chung sống, anh C và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vấn đề tài chính khó khăn, anh C sống chung với gia đình bên vợ nên gặp nhiều áp lực, không được tôn trọng nên hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2001 đến năm 2009. Sau khi quay trở về nhà, anh C đã cố gắng hòa hợp với vợ và chung sống đến nay. Tuy nhiên, chị T vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau thường xuyên. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phan Thanh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh C và chị T có hai con chung tên Phạm Thị Thanh Ch, sinh ngày 08/5/1995 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 21/8/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Phan Thanh T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của anh Phạm Phú C về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Quá trình chung sống với nhau, chị T và anh C chỉ có mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Năm 2001, anh C đòi vay tiền ra làm ăn nhưng chị T không đồng ý, anh C vẫn cứ làm, từ đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh C bỏ nhà đi. Trong thời gian anh C bỏ đi thì anh C sinh sống với người phụ nữ khác và có con riêng. Năm 2009, anh C quay về xin chị T tha thứ, chị T cũng đã tha thứ cho anh C để cùng nhau xây dựng gia đình cho đến nay. Thời gian gần đây, anh C và chị T có mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến cãi nhau. Tuy nhiên, chị T xác định chị T vẫn còn tình cảm với anh C, mong muốn anh C cùng chung sống để chăm lo cho con, cháu. Do đó, chị T không đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung tên Phạm Thị Thanh Ch, sinh ngày 08/5/1995 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 31/01/2000. Do các con đã trưởng thành và chị T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 05/9/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Phạm Phú C và chị Phan Thanh T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường B và được cung cấp như sau: Hội Liên hiệp phụ nữ phường B không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Phú C và chị Phan Thanh T. Đồng thời Hội phụ nữ phường B cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó

không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh C thừa nhận việc anh có lỗi với chị T do trong thời gian vợ chồng ly thân, anh C sống chung với người phụ nữ khác và có con riêng. Anh C cho rằng anh đã cố gắng hòa hợp với chị T để xây dựng gia đình, nhưng chị T không thay đổi tính tình, không tin tưởng anh, thường xuyên lớn tiếng với anh C trước mặt mọi người, không tôn trọng anh C. Vì vậy, anh C cương quyết ly hôn với chị T. Về phía chị T, chị T xác định giữa vợ chồng có mâu thuẫn về chuyện kinh tế, về công việc của anh C, mỗi lần anh C nghe điện thoại thì lén lút không nghe trước mặt chị T, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T có ý kiến cho rằng nếu anh C không muốn sống chung với chị T nữa thì sống ly thân như lúc trước, còn trên giấy tờ thì anh C và chị T vẫn là vợ chồng hợp pháp, chị T không đồng ý ly hôn .

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh C và chị T là có xảy ra trên thực tế, đã kéo dài thường xuyên nhiều năm. Anh C và chị T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, bỏ qua cho nhau để xây dựng gia đình nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra và ngày càng trở nên trầm trọng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phạm Phú C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn bị đơn chị Phan Thanh T, chị T có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 251/6, tổ 6/1, khu phố A, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Phú C và chị Phan Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã D), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80KH, quyển số 01/TP-HT99B, cấp ngày 19/7/1999 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh C cho rằng giữa vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T thừa nhận

vợ chồng có mâu thuẫn, anh C bỏ nhà đi từ năm 2001 đến năm 2009, trong thời gian đó anh C chung sống với người phụ nữ khác nhưng chị T đã tha thứ, chị T không đồng ý ly hôn với anh C.

[3] Xét thấy, anh C và chị T đều thừa nhận quá trình chung sống giữa anh C, chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh C có quan hệ với người phụ nữ khác, mâu thuẫn giữa các bên kéo dài. Chị T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh C yêu cầu được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh C và chị T có hai con chung tên Phạm Thị Thanh Ch, sinh ngày 08/5/1995 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2000. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh C và chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Phú C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Phú C được ly hôn với chị Phan Thanh T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80KH, quyển số 01/TP-HT99B, ngày 19/7/1999 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp).

2. Về con chung: Anh Phạm Phú C và chị Phan Thanh T có hai con chung tên Phạm Thị Thanh Ch, sinh ngày 08/5/1995 và Phạm Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2000. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Phú C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029071 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại cá Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND phường B,
thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang